

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 8 - 2019

V/v: Không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Chuộng

2. Ông Nguyễn Phước Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Nh – sinh năm: 1976

Địa chỉ: Ấp 4, xã 5, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang – (xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K – sinh năm: 1978

Địa chỉ: Ấp 5, xã 10, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – (xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 22/7/2019 (bút lục 14, 21) nguyên đơn bà Nh trình bày: Bà với ông K tự quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu được sự chấp thuận của gia đình hai bên nên có tổ chức đám cưới vào năm 1998, từ đó chung sống như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo luật định. Chung sống với nhau được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Keo chơi bời, không lo làm ăn, nên thường xuyên xảy ra cự cãi, nhiều lần muốn hàn gắn tình cảm nhưng ông K vẫn không thay đổi tình tình, hôn nhân càng trở nên mâu

thuần trầm trọng hơn và dẫn đến ly thân nhau từ năm 2006 đến nay. Do không còn tình cảm với ông K nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông K.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Thị KN (nữ), sinh ngày 14/7/1999, đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, bà Nh có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn K có bản tự khai trình bày tóm tắt như sau: Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung giống như lời trình bày của bà Nh, do đã ly thân nhau từ năm 2006 và không còn tình cảm với bà Nh nên ông đồng ý ly hôn với bà Nh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nh có yêu cầu giải quyết việc ly hôn với ông K nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này các đương sự tự cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ, Tòa án không tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ và không thuộc các trường hợp phải có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa sơ thẩm được hướng dẫn tại Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC, ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao. Bà Nh và ông K đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nh và ông K được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, chung sống cùng nhau thời gian dài mặc dù có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo luật định. Vì vậy, khi giải quyết việc ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận bà Nh và ông K là vợ chồng.

[4] Xét về con chung: Cháu Nguyễn Thị KN đã trưởng thành và không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên khai thống nhất không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn bà Phạm Thị Nh phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Nh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị Nh và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành và không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Nh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Phạm Thị Nh đã nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai số 0021710 ngày 22/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà Nh đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú theo luật định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Tâm